

Tên chủ xe (Owner's full name):

Số máy (Engine N<sup>o</sup>):

NGÂN HÀNG ĐT&PTVN CN TÂN BÌNH

2AZ-E055629

Địa chỉ (Address):

Số khung (Chassis N<sup>o</sup>):

354A Công Hòa P13 Q. TB

CV40-6001438

Nhãn hiệu (Brand):

TOYOTA

Tên động cơ (B. of E.):

2AZ-FE

Loại xe (Type):

Ô tô con

Dung tích (Capacity):

2362

Màu sơn (Color):

Đen

Công suất (Horsepower):

123

Năm sản xuất (Year of manufacture):

2007

Tự trọng (Empty weight):

1500

Kích thước bao: -Dài (Length):

m; Rộng (Width):

m; Cao (Height):

Overall dimension

4,825

1,820

Tải trọng: Số chỗ ngồi (Sit):

đứng (Stand):

nằm (Lie):

Hàng hoá:

kg

Gross weight: Seat capacity

05

Goods:

Đăng ký xe có giá trị đến ngày

tháng

năm

Valid until

date

Biển số đăng ký

Hồ Chí Minh, ngày (date) 22 tháng 09 năm

(N<sup>o</sup> Plate)

50Z-6640

Trưởng phòng

Đăng ký lần đầu ngày:

Date of first registration

22/09/2007



*Handwritten signature*

TRƯỞNG TÁ Võ Văn Văn



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**HO CHI MINH CITY'S PUBLIC SECURITY**

**PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG**  
**THE TRAFFIC POLICE DIVISION**

**ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ**

**MOTOR VEHICLE REGISTRATION CERTIFICATE**

**Số (Number): 008.172**

Mẫu 05 BH theo TT

số 01/2007/TT-BCA(C11) ngày 02/01/2007



## 1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **50Z-6640**  
(Registration Number)

Số quản lý: **5005V-040457**  
(Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô con

Nhãn hiệu: (Mark) TOYOTA

Số loại: (Model code) CAMRY 2.4G

Số máy: (Engine Number) 2AZE055629

Số khung: (Chassis Number) ACV406001438

Năm, Nước sản xuất: 2007, Việt Nam

(Manufactured Year and Country)

Niên hạn SD:  
(Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use)  Cải tạo (Modification)

## 2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1545/1535 (mm)  
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4825 x 1820 x 1470 (mm)

Kích thước lòng thùng xe (Inside cargo container dimension)

(mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2775 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1500 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)

(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 1970/1970 (kg)

(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)

(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm

(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2362 (cm<sup>3</sup>)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 123(HP)/6000vph

Số sê-ri: (No.) **DA-2324118** 592321455534

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 215/60R16

2: 2; 215/60R16



TP. HCM, ngày 11 tháng 10 năm 2022

(Issued on: Day/Month/Year)

Số phiếu kiểm định  
(Inspection Report No)

**ĐƠN VI KIỂM ĐỊNH**  
(INSPECTION CENTER)

5005V-81157/22

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) **10/04/2023**

**P. GIÁM ĐỐC**  
**Khuất Duy Thịnh**



11/10/2022 13:12

Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú:



## CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

*Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:*

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

*When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.*

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

*When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.*

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

*During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.*

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

*When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.*

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

*A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.*

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

*A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.*

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
**CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM**  
MOT – Vietnam Register

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE  
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY  
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DA 2324118